

THÔNG BÁO TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2023

Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật Hưng Yên thông báo tuyển sinh trình độ đại học hệ chính quy năm 2023 như sau:

1. Đối tượng tuyển sinh: Tốt nghiệp THPT hoặc tương đương

2. Phạm vi tuyển sinh: Tuyển sinh trong cả nước

3. Phương thức tuyển sinh: Xét tuyển theo 05 phương thức sau:

Phương thức 1: Dựa vào kết quả Kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 - mã 100;

Phương thức 2: Dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc lớp 11 ghi trong học bạ THPT (hoặc tương đương) - mã 200;

Phương thức 3: Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh (cụ thể trong mục 7) - mã 301;

Phương thức 4: Xét tuyển kết hợp (cụ thể trong mục 7) - mã 302;

Phương thức 5: Dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2023 do ĐH Bách khoa Hà Nội tổ chức, Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 do ĐH Quốc gia Hà Nội tổ chức - mã 402;

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

4.1. Tổng chỉ tiêu tuyển sinh: 3.070. Dự kiến chỉ tiêu cho các phương như sau:

Phương thức 1: 1.515 (49,35%); Phương thức 2: 1.455 (47,39%); Phương thức 3, 4, 5: 100 (3,26 %)

Chỉ tiêu của các phương thức sẽ được điều chỉnh phụ thuộc vào thực tế thí sinh đăng ký xét tuyển, nhưng không vượt quá tổng chỉ tiêu đã xác định.

4.2. Chỉ tiêu tuyển sinh liên kết quốc tế, lớp sinh viên tài năng, lớp giảng dạy bằng tiếng Anh

Nhà trường có 50 chỉ tiêu dành cho sinh viên ngành Công nghệ thông tin; sinh viên được cấp bằng đại học quốc tế của Trường Đại học Sun Moon – Hàn Quốc (02 năm học tại trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên, 02 năm học tại Đại học Sun Moon – Hàn Quốc) và một số chỉ tiêu dành cho lưu học sinh Lào.

Nhà trường tổ chức 03 lớp được giảng dạy bằng tiếng Anh đối với những sinh viên có nhu cầu (sinh viên đăng ký sau khi trúng tuyển và nhập học), mỗi lớp có số 20-25 sinh viên thuộc các ngành: Kỹ thuật phần mềm; Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa.

Nhà trường có 04 lớp sinh viên tài năng (SVTN) thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Khoa học máy tính; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật ô tô. Mỗi lớp có số từ 20 đến 25 sinh viên.

5. Các thông tin cần thiết để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường:

5.1. Mã trường: SKH

5.2. Mã ngành, chỉ tiêu và tổ hợp xét tuyển

TT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo mã phương thức			Cơ sở đào tạo	Tổ hợp XT theo mã phương thức	
				301, 302, 402	100	200		100, 200	402
1	7480201	Công nghệ thông tin (03 chuyên ngành: Đồ họa Đa phương tiện; Mạng máy tính và Truyền thông; Phát triển ứng dụng IoT)	200	10	95	95	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
2	7480101	Khoa học máy tính (03 chuyên ngành: Trí tuệ nhân tạo và Khoa học dữ liệu; Trí tuệ nhân tạo và Xử lý ngôn ngữ tự nhiên; Trí tuệ nhân tạo và Nhận dạng hình ảnh)	100	10	70	20	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
3	7480103	Kỹ thuật phần mềm (02 chuyên ngành: Phát triển ứng dụng phần mềm; Kiểm thử và đảm bảo chất lượng phần mềm)	190	10	90	90	2,3	A00; A01 D01; D07	K00; Q00

TT	Mã ngành đào tạo	Tên ngành đào tạo	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo mã phương thức			Cơ sở đào tạo	Tổ hợp XT theo mã phương thức	
				301, 302, 402	100	200		100, 200	402
4	7510301	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử (05 chuyên ngành: Kỹ thuật điện lạnh công nghiệp và dân dụng; Điện công nghiệp; Điện tử công nghiệp; Điện tử viễn thông; Hệ thống điện)	250	10	120	120	1	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
5	7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa (02 chuyên ngành: Tự động hóa công nghiệp; Điều khiển tự động)	370	20	175	175	1	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
6	7510202	Công nghệ chế tạo máy	100	10	45	45	1	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
7	7510201	Công nghệ kỹ thuật cơ khí (02 chuyên ngành: Tự động hóa thiết kế công nghệ cơ khí; Công nghệ Hàn)	140	10	65	65	1	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
8	7520118	Kỹ thuật hệ thống công nghiệp (02 chuyên ngành: Thiết kế và điều khiển hệ thống thông minh; Quản lý hệ thống công nghiệp)	30		15	15	1	A00; A01 D01; D07	
9	7510203	Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử	250	10	120	120	1	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
10	7510205	Công nghệ kỹ thuật ô tô (02 chuyên ngành: Công nghệ kỹ thuật ô tô; Cơ điện tử ô tô và xe chuyên dụng)	360	10	175	175	1	A00; A01 D01; D07	K00; Q00
11	7510210	Điện lạnh và điều hòa không khí	90		45	45	1	A00; A01 D01; D07	
12	7140246	Sư phạm công nghệ	20		10	10	1	A00; A01 D01; D07	
13	7140231	Sư phạm tiếng Anh	30		15	15	2	A00; A01 D01; D07	
14	7540209	Công nghệ may (02 chuyên ngành: Công nghệ may; Thiết kế thời trang)	170		85	85	2,3	A00; A01 D01; D07	
15	7340123	Kinh doanh thời trang và Dệt may (02 chuyên ngành: Kinh doanh thời trang; Quản lý đơn hàng dệt may)	80		40	40	2	A00; A01 D01; D07	
16	7340101	Quản trị kinh doanh (02 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh công nghiệp; Marketing sản phẩm và dịch vụ)	200		100	100	1,2,3	A00; A01 D01; D07	
17	7340301	Kế toán (Kế toán doanh nghiệp)	180		90	90	1,2,3	A00; A01 D01; D07	
18	7310101	Kinh tế (Kinh tế đầu tư)	100		50	50	1,2,3	A00; A01 D01; D07	
19	7510401	Công nghệ kỹ thuật hoá học (02 chuyên ngành: Kỹ thuật hóa học ứng dụng, Kỹ thuật môi trường)	20		10	10	1	A00; A02 B00; D07	
20	7540103	Công nghệ hóa thực phẩm (02 chuyên ngành: Công nghệ thực phẩm; Quản lý chất lượng)	20		10	10	1	A00; A02 B00; D07	
21	7220201	Ngôn ngữ Anh (03 chuyên ngành: Ngôn ngữ Anh; Tiếng Anh Thương mại; Biên phiên dịch)	170		90	80	1,2,3	A01; D01 D09; D10	
Cộng :			3.070	100	1.515	1.455			

Tổ hợp xét tuyển:

Theo phương thức 1,2:

A00: Toán, Vật lý, Hóa học; A01: Toán, Vật lý, Tiếng Anh; A02: Toán, Vật lý, Sinh học;
B00: Toán, Hóa học, Sinh học; D01: Toán, Tiếng Anh, Ngữ văn; D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh;
D09: Toán, Lịch sử, Tiếng Anh; D10: Toán, Địa lý, Tiếng Anh.

Theo phương thức 5:

K00: Tư duy Toán học, Tư duy Đọc hiểu, Tư duy Khoa học/Giải quyết vấn đề

Q00: Tư duy định lượng, Tư duy định tính, Khoa học

Cơ sở đào tạo:(1): Cơ sở Khoái Châu: Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên

(2): Cơ sở Mỹ Hào: Phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên

(3): Cơ sở Hải Dương: Phường Tân Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương

Thí sinh trúng tuyển các ngành có đào tạo ở 2 hoặc 3 cơ sở được quyền lựa chọn địa điểm nhập học và học tập.

6. Học phí áp dụng cho năm học 2023-2024 (dự kiến):

- Sinh viên khối ngành công nghệ, kỹ thuật: 1.287.000 đồng/sinh viên/tháng;
- Sinh viên khối ngành kinh tế, ngoại ngữ, sư phạm: 1.078.000 đồng/sinh viên/tháng;
- Sinh viên lớp giảng dạy bằng tiếng Anh (dự kiến): 1.930.000 đồng/sinh viên/tháng
- Sinh viên sư phạm được Nhà nước cấp bù học phí và các chế độ theo quy định.

7. Chính sách ưu tiên:

- Chính sách ưu tiên theo khu vực, đối tượng thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành.

Thí sinh được hưởng chính sách ưu tiên khu vực theo quy định trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc trung cấp) và một năm kế tiếp;

Điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm ưu tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được})/7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên quy định.}$$

- Xét tuyển thẳng theo Quy chế tuyển sinh hiện hành, cụ thể:

+ Anh hùng lao động, Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân, Chiến sĩ thi đua toàn quốc;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia, quốc tế hoặc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GDĐT tổ chức, cử tham gia được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội cử đi được xét tuyển thẳng trong năm tốt nghiệp THPT (hoặc tốt nghiệp trung cấp) vào các ngành phù hợp với môn thi, nội dung đề tài hoặc nghề dự thi, thi đấu, đoạt giải; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển thẳng.

- Căn cứ kết quả học tập THPT và yêu cầu của ngành đào tạo, Nhà trường xem xét, quyết định nhận vào học những trường hợp sau theo quy định hiện hành: Thí sinh là người khuyết tật đặc biệt nặng; thí sinh là người dân tộc thiểu số rất ít người; thí sinh có nơi thường trú từ 3 năm trở lên, học 3 năm và tốt nghiệp THPT tại các huyện nghèo; Thí sinh là người nước ngoài có kết quả kiểm tra kiến thức và năng lực Tiếng Việt đáp ứng quy định hiện hành của Bộ trưởng Bộ GDĐT.

- Xét tuyển kết hợp: Nhà trường ưu tiên xét tuyển thẳng đối với những thí sinh thuộc diện sau:

+ Thí sinh thuộc diện tuyển thẳng nhưng không dùng quyền ưu tiên tuyển thẳng;

+ Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia; thí sinh đoạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba tại các kỳ thi tay nghề khu vực ASEAN và thi tay nghề quốc tế; thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển;

+ Thí sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế IELTS đạt từ 5.5 trở lên (hoặc chứng chỉ quốc tế tương đương);

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi THPT hoặc cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp tỉnh;

Các thí sinh thuộc diện xét tuyển kết hợp phải đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào (điểm sàn) quy định của ngành đào tạo theo phương thức xét tuyển. Những thí sinh này được xét tuyển vào ngành đào tạo thí sinh đăng ký, phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi của thí sinh đã đoạt giải.

8. Học bổng, lớp sinh viên tài năng (SVTN):

Chỉ xét với những thí sinh được xét tuyển thẳng; xét tuyển kết hợp; xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023; theo kết quả kỳ thi đánh giá năng lực, đánh giá tư duy năm 2023.

- Nhà trường xét dựa trên tổng điểm thi của các môn trong tổ hợp xét tuyển (không tính điểm ưu tiên KV, ĐT) như sau:

TT	Nội dung	Tổng điểm thi của các môn trong tổ hợp xét tuyển		
		Kỳ thi tốt nghiệp THPT (Thang điểm 30)	Kỳ thi đánh giá tư duy (Thang điểm 30)	Kỳ thi đánh giá năng lực (Thang điểm 150)
1.	Học bổng			
1.1	Mức 1: bằng mức học phí 04 năm học	≥ 27 điểm	≥ 25 điểm	≥ 120 điểm
1.2	Mức 2: bằng mức học phí 02 năm học đầu	Từ 26 - 26,9 điểm	Từ 24 - 24,9 điểm	Từ 100 - dưới 120 điểm
2.	Điểm sàn xét sinh viên tài năng	≥ 21 điểm	≥ 20 điểm	≥ 90 điểm

Những sinh viên được hưởng học bổng phải đạt điểm TBC học tập theo từng năm học từ 7,00 trở lên và kết quả rèn luyện đạt loại Tốt trở lên để được xét cấp học bổng năm tiếp theo.

- Năm 2023, Nhà trường có 04 lớp SVTN thuộc các ngành: Công nghệ kỹ thuật cơ điện tử; Khoa học máy tính; Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa; Công nghệ kỹ thuật ô tô. Mỗi lớp có số sinh viên từ 20 đến 25 sinh viên. Các lớp SVTN được giảng viên có trình độ cao (GS, PGS, TS) trực tiếp giảng dạy. Hàng năm Nhà trường có quỹ học bổng khoảng 1 tỷ đồng dành riêng cho các lớp SVTN.

Các thí sinh tuyển thẳng sẽ được ưu tiên chọn đặc cách vào lớp sinh viên tài năng.

9. Cách thức, thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển (ĐKXT)

9.1. Thí sinh xét tuyển thẳng: Thực hiện theo kế hoạch của Bộ GDĐT (dự kiến trước 15/7).

9.2. Thí sinh xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023:

- *Đối với xét tuyển đợt 1:* Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Cổng dịch vụ công quốc gia theo phương thức trực tuyến theo kế hoạch của Bộ GDĐT (dự kiến từ ngày 22/7/2023 đến ngày 20/8/2023);

- *Đối với xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có):* Đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage), hoặc nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường hoặc chuyển phát nhanh (CPN) qua đường bưu điện sau khi công bố kết quả xét tuyển đợt 1 và theo thông báo của Nhà trường.

9.3. Thí sinh xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023; theo kết quả học tập của năm lớp 12 hoặc lớp 11 THPT (hoặc tương đương); xét tuyển kết hợp:

- Thời gian nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển theo từng đợt như sau:
 - + Đợt 1 (dự kiến): Từ ngày 01/3/2023 đến 17h00 ngày 18/7/2023;
 - + Các đợt tiếp theo nếu còn chỉ tiêu xét tuyển.
- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển đợt 1:

+ Nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường hoặc đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage);

+ Nhà trường sẽ thông báo kết quả những thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm (trừ điều kiện tốt nghiệp THPT đối với thí sinh tốt nghiệp THPT năm 2023), dự kiến sau 17h00 ngày 18/7/2023. Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm có nguyện vọng học tại Trường phải đăng ký ngành trúng tuyển theo phương thức xét tuyển tương ứng ở nguyện vọng cao nhất (NV1) trên hệ thống Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT hoặc Công dịch vụ công quốc gia và xác nhận nhập học theo phương thức trực tuyến theo kế hoạch chung của Bộ GDĐT.

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage), hoặc nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường sau khi công bố kết quả xét tuyển đợt 1 và theo thông báo của Nhà trường.

9.4. Thí sinh xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2023

+ Đối với xét tuyển đợt 1: Đăng ký xét tuyển trên Cổng thông tin tuyển sinh của Bộ GDĐT, Công dịch vụ công quốc gia theo phương thức trực tuyến theo kế hoạch của Bộ GDĐT (dự kiến từ ngày 22/7/2023 - 20/8/2023).

- Đối với thí sinh đăng ký xét tuyển các đợt bổ sung (nếu có): Đăng ký trực tuyến qua các cổng thông tin của Trường (website, fanpage), hoặc nộp trực tiếp tại 3 cơ sở đào tạo của Trường sau khi công bố kết quả xét tuyển đợt 1 và theo thông báo của Nhà trường.

10. Hồ sơ đăng ký xét tuyển (đối với thí sinh ĐKXT trực tiếp)

10.1. Xét tuyển thẳng: Theo quy định của Bộ GD&ĐT.

10.2. Xét tuyển kết hợp:

- Bản sao chứng chỉ ngoại ngữ, chứng nhận đoạt giải các kỳ thi;
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023 (Thí sinh có thể nộp bổ sung sau nếu ĐKXT trước khi có kết quả tốt nghiệp năm 2023);

- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

10.3. Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT:

- Bản sao Giấy chứng nhận kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (Phiếu điểm);
- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

10.4. Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc lớp 11 THPT:

- Bản sao Học bạ THPT (hoặc tương đương);
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023 (Thí sinh có thể nộp bổ sung sau nếu ĐKXT trước khi có kết quả tốt nghiệp năm 2023);

- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

10.5. Xét tuyển theo kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023, Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2023:

- Giấy chứng nhận kết quả kỳ thi đánh giá năng lực/Phiếu kết quả kỳ thi đánh giá tư duy;
- Bản sao bằng tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương) hoặc Giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời đối với thí sinh tốt nghiệp năm 2023 (Thí sinh có thể nộp bổ sung sau nếu ĐKXT trước khi có kết quả tốt nghiệp năm 2023);

- Phiếu ĐKXT theo mẫu của Trường Đại học SPKT Hưng Yên.

*Giấy chứng nhận ưu tiên (nếu có): Áp dụng cho cả các mục 10.1; 10.2; 10.3; 10.4; 10.5
Thí sinh có thể tải mẫu phiếu ĐKXT trên website và fanpage của Nhà trường.*

11. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

- *Xét tuyển dựa vào kết quả thi tốt nghiệp THPT:* Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên. Riêng đối với ngành Sư phạm công nghệ, Sư phạm tiếng Anh, thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo Quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngưỡng đảm bảo chất lượng được Nhà trường công bố sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2023 (trên cơ sở quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng của Bộ Giáo dục và Đào tạo năm 2023);

- *Xét tuyển dựa vào kết quả học tập lớp 12 hoặc lớp 11 ghi trong học bạ THPT (hoặc tương đương):* Tổng điểm của 3 môn trong tổ hợp dùng để xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực, đối tượng \geq 19,0. Riêng đối với ngành Sư phạm công nghệ, Sư phạm tiếng Anh (Chỉ xét kết quả học tập lớp 12): Học lực lớp 12 xếp loại từ giỏi trở lên hoặc điểm xét tốt nghiệp THPT từ 8,0 trở lên.

- *Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá năng lực năm 2023 (thang điểm 150):* Tổng điểm thi \geq 60 điểm (Điểm xét tuyển = Tổng điểm thi quy đổi về thang điểm 30 + điểm ưu tiên khu vực, đối tượng)

- *Xét tuyển dựa vào kết quả Kỳ thi đánh giá tư duy năm 2023:* Đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng theo quy định của trường Đại học Sư phạm kỹ thuật Hưng Yên. Ngưỡng đảm bảo chất lượng được Nhà trường công bố sau khi có kết quả của kỳ thi.

12. Địa chỉ tiếp nhận hồ sơ (nộp trực tiếp) và thông tin tuyển sinh

- Thí sinh gửi qua bưu điện về Trung tâm Tuyển sinh và Truyền thông, Trường Đại học SPKT Hưng Yên, địa chỉ: Dân Tiến, Khoái Châu, Hưng Yên;

- Thí sinh nộp trực tiếp tại các điểm nhận hồ sơ xét tuyển ở 3 cơ sở đào tạo:

+ *Cơ sở Khoái Châu:* Xã Dân Tiến, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0221.3.689.888

+ *Cơ sở Mỹ Hào:* Phường Nhân Hòa, thị xã Mỹ Hào, tỉnh Hưng Yên ĐT: 0221.3.689.555

+ *Cơ sở Hải Dương:* Phường Tân Bình, TP. Hải Dương, tỉnh Hải Dương ĐT: 0221.3.689.333

Nhà Trường có đủ chỗ ở trong ký túc xá cho sinh viên tại Cơ sở Khoái Châu và Cơ sở Mỹ Hào.

Thông tin chi tiết trên website: <http://www.utehy.edu.vn>; <http://www.tuyensinh.utehy.edu.vn>;

Fanpage: <http://www.facebook.com/DaihocSuphamKythuatHungYen>

Nơi nhận:

- Các đơn vị trong toàn trường;
- Đăng website, fanpage;
- Lưu VT, ĐT.



PGS.TS. Bùi Trung Thành